

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 184/2019/HC-ST

Ngày: 05 -3 - 2019

V/v khiếu kiện quyết định hành chính về
việc kỷ luật buộc thôi việc.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Thực;
2. Bà Lê Thị Nhung.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tôn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, ngày 28 tháng 01, ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai và tuyên án ngày 05 tháng 3 năm 2019 đối với vụ án hành chính thụ lý số 105/2018/HCST ngày 04 tháng 5 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về việc kỷ luật buộc thôi việc”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6427/2018/QĐXXST-HC ngày 20 tháng 12 năm 2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 284/2019/QĐST-HC ngày 15/01/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 576/2019/QĐST-HC ngày 28/01/2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Dương Văn N (có mặt);

Địa chỉ: Số 406 đường A, Ấp B, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 26/1 đường E, Tổ F, Ấp G, xã C, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: Tỉnh lộ 8, khu phố H, thị trấn K, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Bà Phạm Thị Thanh H – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh (có yêu cầu tiến hành tố tụng vắng mặt);

Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, khu phố H, thị trấn K, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Ngọc T – Phó trưởng Phòng Nội vụ - Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Địa chỉ thường trú: Tỉnh lộ 8, khu phố H, thị trấn K, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Dương Văn N trình bày:

Ngày 25/9/2014, Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 10385/QĐ-UBND về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ xã - thị trấn; theo đó, điều động ông N từ Ủy ban nhân dân xã C về công tác tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D với chức danh Địa chính – nông nghiệp – xây dựng và môi trường từ ngày 01/10/2014 đến 30/9/2017.

Ngày 04/04/2017, ông nhận được Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 (viết tắt là Quyết định số 2557/QĐ-UBND) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc kỷ luật đối với công chức xã; theo đó, ông bị áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc với lý do công chức tham mưu cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã thực hiện công tác quản lý xây dựng trên địa bàn xã nhưng còn thiếu sót, thiếu kiểm tra dẫn đến hậu quả phải tiến hành cưỡng chế các công trình xây dựng không phép, sai phép trên địa bàn xã, gây thiệt hại tài sản cho nhân dân, gây ảnh hưởng không tốt đến uy tín của Đảng, chính quyền. Hành vi vi phạm của ông ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng theo quy định tại Khoản 5 Điều 39 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 (viết tắt là Nghị định số 112/2011/NĐ-CP) của Chính phủ quy định về công chức xã, phường, thị trấn; cụ thể là không hoàn thành nghĩa vụ cán bộ, công chức trong khi thi hành công vụ.

Ông cho rằng Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 2557/QĐ-UBND là chưa đúng quy định của pháp luật bởi các lý do sau:

Về trình tự, thủ tục: Giấy mời họp số 197/GM – VP ngày 22/3/2017 không được gửi cho ông theo đúng thời gian quy định Khoản 1, Điều 19, Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức (viết tắt là Nghị định số 34/2011/NĐ-CP).

Tại cuộc họp ngày 23/3/2017, thành phần Hội đồng kỷ luật công chức không đúng theo quy định tại Điều 43, Điều 44 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP; Điều 18, Điều 19 Nghị định số 34/2011/NĐ-CP. Ông Trần Ngọc T là chuyên viên Phòng Nội vụ không có tên trong Quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật nhưng vẫn tham gia phiên họp. Trước khi bỏ phiếu kín, ông Tiến gợi ý thẳng hình thức kỷ luật buộc thôi việc mà không nêu các hình thức kỷ luật khác nhau để các thành viên của hội đồng tự bỏ phiếu; không có công bố Quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật, đại diện lãnh đạo Liên đoàn lao động huyện D vắng mặt không rõ lý do. Điều này cho thấy cuộc họp không công bằng, không khách quan, vi phạm Khoản 1 Điều 2 Nghị định số 34/2011/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP.

Về nội dung: Trong quyết định xử lý kỷ luật có nêu lý do thiếu kiểm tra dẫn đến hậu quả phải tiến hành cưỡng chế các công trình xây dựng không phép, sai phép trên địa bàn xã, gây thiệt hại tài sản cho nhân dân, gây ảnh hưởng không tốt đến uy tín của Đảng, chính quyền. Bản thân ông nhận thức được việc cưỡng chế là thiệt hại tài sản của nhân dân. Nhưng cưỡng chế là biện pháp ngăn chặn đúng quy định của pháp luật. Việc xây dựng tại xã M khá phức tạp do ý thức của người dân cố tình vi phạm nên mới tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành quyết định cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tại Quyết định số 2557/QĐ-UBND còn cho rằng hành vi vi phạm của ông ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng các quy định khác của cán bộ, công chức quy định tại Khoản 5 Điều 39 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP. Ông cho rằng bản thân không có vi phạm các quy định này vì tại Bản kiểm điểm cá nhân cuối năm 2016 và bản kiểm điểm cá nhân 4 tháng đầu năm 2017, ông đều được Ủy ban nhân dân và Đảng ủy xã M xác nhận là hoàn thành nhiệm vụ được giao. Bản thân ông luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, chưa bị lãnh đạo phê bình hay nhắc nhở, không có đơn tố cáo hay đơn phản ánh của người dân về tác phong, tư cách làm việc. Khi làm đơn chuyển sinh hoạt đảng đến nơi cư trú, trong bản kiểm điểm vẫn được Ủy ban nhân dân xã và Đảng ủy xã M xác nhận là hoàn thành nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, tại văn bản số 79/BPC ngày 18/01/2017 của

Ủy ban nhân dân xã M phân công công tác công chức Địa chính – xây dựng – nông nghiệp – môi trường, theo đó, ngoài nhiệm vụ chuyên môn được phân công, ông còn được giao làm Tổ trưởng phụ trách chung. Như vậy, bản thân ông có năng lực trong công tác mới tiếp tục được giao nhiệm vụ năm 2017, không thể gọi là vi phạm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng.

Như vậy, xét về cả hình thức lẫn nội dung, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 2557/QĐ-UBND là không đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy Quyết định số 2557/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D về việc kỷ luật đối với công chức xã.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D có bà Phạm Thị Thanh H là người đại diện theo ủy quyền có bản tự khai ngày 31/10/2018 trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện như sau:

Ông N là công chức Địa chính – Nông nghiệp – Xây dựng và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân xã M, huyện D. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, ông đã có những sai phạm trong việc tham mưu công tác quản lý trật tự xây dựng tại địa bàn ấp 4A, xã M theo nội dung Kết luận Thanh tra số 01-KL/UBND ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Thanh tra huyện D về việc thanh tra công tác quản lý trật tự xây dựng tại ấp 4A, xã M. Trong quá trình công tác, ông thiếu kiểm tra dẫn đến hậu quả phải tiến hành cưỡng chế các công trình xây dựng không phép, sai phép trên địa bàn xã, cụ thể, Ủy ban nhân dân xã M phải tiến hành xử lý đối với các trường hợp xây dựng sai phép và xây dựng không có giấy phép theo quy định của pháp luật. Trong quá trình công tác, ông N chưa phối hợp tốt với các Đội Thanh tra huyện D; chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 10 Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 18/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Điều 17 Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị.

Từ kết luận thanh tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D đã chỉ đạo Trưởng phòng Nội vụ phối hợp với Thanh tra huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M tổ chức kiểm điểm trách nhiệm đối với cán bộ, công chức của xã (trong đó có ông N) có liên quan trong công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn ấp 4A, xã M và kiến nghị đến Thường trực Ủy ban nhân dân huyện có biện pháp xử lý theo quy định. Tại cuộc họp kiểm điểm, kết quả bỏ phiếu đề xuất kỷ luật là 15/22 phiếu (09 phiếu khiển trách, 06 phiếu cảnh cáo).

Xét thấy, hành vi vi phạm của ông N ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng, phải thi hành kỷ luật, do đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để kỷ luật đối với công chức theo quy định tại khoản 1 điều 42 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP. Quyết định xử lý kỷ luật được ban hành căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật như: Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Cán bộ công chức 2008; Nghị định số 34/2011/NĐ-CP; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP.

Về việc thành lập Hội đồng kỷ luật: Hội đồng kỷ luật được thành lập theo đúng quy định tại điều 43 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP, cụ thể: Thành phần Hội đồng gồm có 05 thành viên. Cuộc họp có sự tham dự của ông N. Kết quả bỏ phiếu đạt 04/04, vắng 01 thành viên Hội đồng là Đại diện Liên đoàn lao động huyện, nhưng đảm bảo số lượng thành viên Hội đồng (từ 03 thành viên trở lên), trong đó có Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng đúng theo quy định tại Khoản 3 điều 17 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP.

Sau khi họp Hội đồng kỷ luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc đối với ông N do vi phạm ở mức độ đặc biệt nghiêm trọng quy định khác của pháp luật liên quan đến công chức, cụ thể không hoàn thành nghĩa vụ của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ theo quy định khoản 1 điều 9 Luật Cán bộ, công chức năm 2008.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 2557/QĐ-UBND nêu trên là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Ông Trần Ngọc T là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện.

Ông Tiến thống nhất với nội dung tại Bản tự khai ngày 31/10/2018 của bà Phạm Thị Thanh H và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông N, giữ nguyên quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính trong các giai đoạn như: Thụ lý vụ án; thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại; xét xử.

- Về nội dung:

Về thẩm quyền ban hành quyết định số 2557/QĐ-UBND: Căn cứ Khoản 4 Điều 79 Luật Cán bộ, công chức và Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 34/2011/NĐ-

CP thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 2557/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền.

Xét về trình tự ban hành quyết định:

Xét thấy, Ủy ban nhân dân huyện D đã vi phạm quy định về thời gian tổ chức, thành phần tham gia họp Hội đồng kỷ luật và trình tự ra quyết định kỷ luật quy định tại Nghị định số 34/2011/NĐ-CP và Nghị định số 112/2011/NĐ-CP nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Quyết định số 2557/QĐ-UBND là không có căn cứ, yêu cầu khởi kiện của ông N là có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N, tuyên hủy Quyết định số 2557/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết

Vụ kiện giữa ông N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D là tranh chấp về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” được quy định tại Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Do người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D nên căn cứ Khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật đối với công chức cấp xã. Do vậy, người khởi kiện xác định người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D là đúng quy định pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện:

Đơn khởi kiện của ông N còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2.2] Về việc ủy quyền của các đương sự:

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D có văn bản ủy quyền cho Phạm Thị Thanh H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D tham gia tố tụng là phù hợp theo quy định tại Điều 60 Luật Tố tụng hành chính.

[2.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Xét thấy bà Phạm Thị Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có văn bản đề nghị Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về nội dung:

Về trình tự tổ chức họp Hội đồng kỷ luật: Ngày 22/3/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Thông báo số 128/TB-UBND về việc xử lý kỷ luật đối với công chức. Tuy nhiên, theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 34/2011/NĐ-CP thì “Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật của công chức, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xử lý kỷ luật quy định tại Điều 15 Nghị định này phải ra thông báo bằng văn bản về việc xem xét xử lý kỷ luật”. Cùng ngày 22/3/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ban Quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật số 2317/QĐ-UBND. Cũng trong ngày 22/3/2017, Ủy ban nhân dân huyện D ban hành Giấy mời họp số 197/GM-VP, theo đó, thời gian tiến hành cuộc họp được ấn định vào lúc 08 giờ ngày 23/3/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N khẳng định ông không nhận được giấy mời họp của Ủy ban nhân dân huyện D. Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cho rằng, Giấy mời họp Hội đồng kỷ luật có giao cho Ủy ban nhân dân xã M để gửi cho ông N. Tuy nhiên, phía người bị kiện không cung cấp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh ông N đã nhận giấy mời, cũng không xác định được Ủy ban nhân dân xã M có gửi giấy mời cho ông N hay không và gửi bằng cách nào. Theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 34/2011/NĐ-CP thì “Chậm nhất là 07 ngày làm việc trước cuộc họp của Hội đồng kỷ luật, giấy triệu tập họp phải được gửi tới công chức có hành vi vi phạm pháp luật...” Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện D tổ chức họp Hội đồng kỷ luật đối với ông N trong khi không có gửi giấy mời họp cho ông là không đúng theo quy định.

Ngoài ra, theo giấy mời họp số 197/GM – VP ngày 22/3/2017 thì thời gian họp Hội đồng kỷ luật được ấn định vào lúc 08 giờ ngày 23/3/2017 và Quyết định kỷ luật đối với công chức xã số 2557/QĐ-UBND cũng căn cứ vào Biên bản họp ngày 23/3/2017 trong khi Biên bản họp Hội đồng kỷ luật số 13/BB-HĐKL

lại được lập ngày 28/3/2017. Như vậy, xét về mặt thời gian tiến hành cuộc họp giữa các văn bản nêu trên không có sự thống nhất.

Mặt khác, tại Điểm a Khoản 1 Điều 20 Nghị định số 34/2011/NĐ-CP quy định "Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, Hội đồng kỷ luật phải có kiến nghị việc xử lý kỷ luật bằng văn bản (kèm theo biên bản họp Hội đồng kỷ luật và hồ sơ xử lý kỷ luật) gửi người có thẩm quyền xử lý kỷ luật quy định tại Điều 15 Nghị định này". Tuy nhiên, Hội đồng kỷ luật không có văn bản kiến nghị việc xử lý kỷ luật đối với ông N gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D ngay sau khi kết thúc cuộc họp đã vi phạm quy định về trình tự ra quyết định kỷ luật.

Xét trình tự tổ chức cuộc họp Hội đồng kỷ luật cũng như trình tự ra quyết định xử lý kỷ luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D đều vi phạm các quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức được quy định tại Nghị định số 34/2011/NĐ-CP và Nghị định số 112/2011/NĐ-CP. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D là có cơ sở, nên chấp nhận.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Người bị kiện phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 32, Điều 60, Điều 116, Điều 157, Điều 158, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn N yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh về việc kỷ luật đối với công chức xã.

2. Hủy toàn bộ Quyết định số 2557/QĐ-UBND ngày 28/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh về việc kỷ luật đối với công chức xã.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm, nộp tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn trả cho ông Dương Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AA/2017/0044137 ngày 03/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy